

HOÀN THIÊN PHÁP LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VỀ CƯỜNG CHẾ KÊ BIÊN TÀI SẢN CHUNG⁽¹⁾

TRẦN PHƯƠNG THẢO *

Tóm tắt: Kê biên tài sản, trong đó có kê biên tài sản chung là một trong những biện pháp cưỡng chế cần thiết được áp dụng để thi hành án dân sự trên thực tiễn. Bài viết nghiên cứu và đánh giá các quy định của pháp luật thi hành án dân sự Việt Nam hiện hành về cưỡng chế kê biên tài sản chung, tham khảo thực tiễn thực hiện để nhận biết một số khó khăn, vướng mắc trong hoạt động cưỡng chế kê biên tài sản chung, trên cơ sở đó đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả của cưỡng chế kê biên tài sản chung trong công tác thi hành án dân sự ở Việt Nam.

Từ khoá: Cưỡng chế; kê biên; tài sản chung; thi hành án dân sự

Nhận bài: 10/5/2019

Hoàn thành biên tập: 10/12/2019

Duyệt đăng: 24/12/2019

IMPROVING THE LAW ON ENFORCEMENT OF CIVIL JUDGEMENTS REGARDING
COERCIVE MEASURE OF DISTRRAINT OF COMMON ASSETS

Abstract: Distrainment of assets including distrainment of common assets is a necessary measure applied for enforcement of civil judgements in practice. The paper studies and evaluates current legal provisions on enforcement of civil judgements regarding distrainment of common assets and on that basis it offers some proposals for improving the related law and raising the effectiveness and efficiency of the coercive measure of distrainment of common assets in enforcement of civil judgements in Vietnam.

Keywords: Coercion; distrainment; common asset; enforcement of civil judgements

Received: May 10th, 2019; Editing completed: Dec 10th, 2019; Accepted for publication: Dec 24th, 2019

1. Quy định của pháp luật thi hành án dân sự Việt Nam về cưỡng chế kê biên đối với tài sản chung của người phải thi hành án với người khác

Kê biên tài sản để thi hành án dân sự (THADS) là một trong những biện pháp cưỡng chế, được chấp hành viên áp dụng trong trường hợp người phải thi hành án có

nghĩa vụ trả tiền theo bản án, quyết định đã có hiệu lực, họ có tài sản để thực hiện nghĩa vụ đó nhưng họ lại không tự nguyện thực hiện.⁽²⁾ Trong THADS, kê biên tài sản để THADS là biện pháp được Nhà nước sử dụng để bắt buộc người phải thi hành án phải thực hiện nghĩa vụ. Vì thế, các quy định của pháp luật THADS về cưỡng chế kê biên tài sản là cơ sở pháp lý không thể thiếu khi thực hiện biện pháp này. Các quy định của pháp luật về cưỡng chế kê biên tài sản thể hiện

* Giảng viên, Trường Đại học Luật Hà Nội
E-mail: tranphuongthao@hlu.edu.vn

(1). Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở: “Các biện pháp cưỡng chế thi hành nghĩa vụ trả tiền theo Luật thi hành án dân sự Việt Nam”, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2019.

(2). Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật thi hành án dân sự*, Nxb. Công an nhân dân, 2018, tr. 251.

“kỹ thuật pháp lý nhằm tạo dựng niềm tin”⁽³⁾ cho người được thi hành án nói riêng và người dân trong xã hội nói chung vào giá trị pháp lý thực tế của các quyết định trong bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Hiểu một cách cụ thể hơn, cưỡng chế kê biên tài sản hay các quy định của pháp luật THADS về cưỡng chế kê biên tài sản sẽ làm chấm dứt tình trạng người phải thi hành án chống đối, cố tình không thực hiện nghĩa vụ hoặc tránh được việc người phải thi hành án tẩu tán tài sản, không chịu thi hành án.

Hiện nay, biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản được ghi nhận tại khoản 3 Điều 71 và được cụ thể hoá trong nhiều điều luật khác tại Chương IV Luật THADS năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 (sau đây gọi là Luật THADS năm 2014). Tài sản bị cưỡng chế kê biên để thi hành án có thể là tài sản thuộc sở hữu riêng của người phải thi hành án nhưng cũng có thể là tài sản thuộc sở hữu chung của người phải thi hành án đối với người khác. So với cưỡng chế kê biên đối với tài sản riêng của người phải thi hành án, việc cưỡng chế kê biên tài sản là tài sản thuộc sở hữu chung của người phải thi hành án đối với người khác thường khó khăn, phức tạp hơn. Vì thế, việc cưỡng chế kê biên đối với tài sản chung này phải được thực hiện theo đúng các quy định của Luật THADS năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật THADS năm 2014 như Nghị định của Chính phủ số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS (gọi tắt là Nghị

định số 62/2015/NĐ-CP), Thông tư liên tịch của Bộ tư pháp, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 01/8/2016 quy định một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong THADS (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 11). Thực trạng pháp luật về cưỡng chế kê biên tài sản chung của người phải thi hành án với người khác để thi hành dân sự nổi bật ở các nội dung sau:

- Về tài sản chung được cưỡng chế kê biên để thi hành án dân sự

Cho đến hiện tại, các văn bản pháp luật thi hành án dân sự chưa có điều luật quy định cụ thể tài sản chung bị cưỡng chế kê biên để thi hành án bao gồm những loại tài sản nào. Nếu hiểu theo quy định tại Điều 207 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015 thì tài sản chung bị cưỡng chế kê biên để thi hành án dân sự là tài sản thuộc sở hữu chung. Trong khi đó, *“sở hữu chung là sở hữu của nhiều chủ sở hữu đối với tài sản. Sở hữu chung bao gồm sở hữu chung theo phần và sở hữu chung hợp nhất. Tài sản thuộc hình thức sở hữu chung là tài sản chung”*. Trên thực tế, các trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung của nhiều chủ sở hữu có thể là tài sản chung của vợ chồng, tài sản công ti, tài sản chung của thôn, làng... Hiện tại, Điều 74 Luật THADS năm 2014 có quy định về tài sản chung bị xác định, phân chia, xử lý để thi hành án, tuy nhiên, vì chưa có quy định cụ thể nên việc xác định tài sản chung được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Theo cách hiểu đơn giản nhất, tài sản chung được xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu của nhiều người. Quyền sở hữu tài sản của nhiều người này thường

(3). Nhà pháp luật Việt - Pháp, *Hội thảo: “Pháp luật về thi hành án”*, Hà Nội, ngày 24, 25/8/1998, tr. 7, 8.

bao gồm các quyền của nhiều người đối với tài sản như quyền sử dụng, quyền chiếm hữu, quyền định đoạt. Tuy nhiên, do có những loại tài sản đặc biệt chỉ được nhà nước công nhận cho chủ thể quyền sử dụng (ví dụ như quyền sử dụng đất) nên tài sản thuộc sở hữu chung này còn có thể hiểu là tài sản thuộc quyền sử dụng chung của nhiều người.

Ngoài ra, khi kê biên tài sản chung theo quy định tại Điều 74 Luật THADS năm 2014 thì còn cần phải thống nhất hiểu tài sản chung là tài sản của người phải THADS với người khác mà người khác đó không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ trong bản án, quyết định đang được tổ chức thi hành, bởi nếu là người có quyền lợi, nghĩa vụ trong bản án, quyết định đang được tổ chức thi hành thì bản thân họ đã có tư cách đương sự trong THADS (là người được thi hành án hoặc là người phải thi hành án), sau này nếu có mâu thuẫn, tranh chấp gì về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong bản án, quyết định của toà thì không thể quy định buộc họ phải khởi kiện lại, yêu cầu toà án giải quyết lại về tài sản đó được.⁽⁴⁾ Với cách hiểu này, các trường hợp tài sản chung của người phải thi hành án với những người khác trong các vụ án chia thừa kế, vụ án hôn nhân gia đình đã được toà án giải quyết sẽ không thuộc trường hợp tài sản chung được xác định, phân chia, xử lý theo quy định tại Điều 74 Luật THADS năm 2014.

(4). Hồ Quân Chính, Hoàn Thanh Hoa, “Kê biên, xử lý tài sản thuộc sở hữu chung của người phải thi hành án - Một số vấn đề từ thực tiễn”, *Tạp chí toà án điện tử*, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/ke-bien-xu-ly-tai-san-thuoc-so-huu-chung-cua-nguoi-phai-thi-hanh-an-mot-so-van-de-tu-thuc-tien>, truy cập 03/5/2019 .

Như vậy, để việc cưỡng chế kê biên tài sản chung theo quy định tại Điều 74 Luật THADS năm 2014 được đúng đắn và có hiệu quả cao thì tài sản chung bị cưỡng chế kê biên để thi hành án dân sự là những tài sản thuộc sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án với người khác mà “người khác” đó phải là người không liên quan đến bản án, quyết định đang được tổ chức thi hành, không phải là một đương sự trong bản án, quyết định được thi hành.

- Về nguyên tắc áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên đối với tài sản thuộc sở hữu chung của người phải THADS với người khác

Thông thường, cơ quan, tổ chức THADS sẽ cưỡng chế kê biên đối với tài sản thuộc sở hữu riêng của người phải THADS trước và chỉ cưỡng chế kê biên tài sản thuộc sở hữu chung của người phải thi hành án với người khác khi tài sản riêng của người phải thi hành án không đủ, không có để thi hành nghĩa vụ hoặc do yêu cầu của người phải thi hành án và xét thấy yêu cầu này không gây khó khăn cho cơ quan thi hành án. Sở dĩ phải xác định đây là một nguyên tắc bởi nhìn chung, xét về sự thuận lợi thì việc cưỡng chế kê biên đối với tài sản riêng của người phải thi hành án dân sự sẽ thuận lợi, dễ dàng hơn so với cưỡng chế kê biên tài sản chung của người phải thi hành án dân sự với người khác. Thông thường, tài sản riêng của người phải thi hành án dân sự sẽ là đối tượng đầu tiên của biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy sẽ có trường hợp kê biên tài sản riêng không đủ để người phải thi hành án dân sự thực hiện nghĩa vụ, thậm chí họ không có tài sản riêng để thực hiện nghĩa vụ hoặc người phải thi hành án

chủ động yêu cầu kê biên tài sản chung trước và yêu cầu này không hề gây khó khăn gì cho cơ quan, tổ chức thi hành án thì đương nhiên trong những trường hợp này phải xác định tài sản chung của người phải thi hành án với người khác là đối tượng của biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản. Nguyên tắc này cũng đã được thể hiện trong hướng dẫn tại khoản 2 và 4 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP: Cơ quan thi hành án dân sự chỉ kê biên, xử lý đối với tài sản chung là quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khi các tài sản khác không đủ để thi hành án hoặc khi có đề nghị của người phải thi hành án về việc tự nguyện đề nghị kê biên tài sản cụ thể trong số nhiều tài sản mà không gây trở ngại cho việc thi hành án và tài sản đó đủ để thi hành án, các chi phí liên quan. Thủ tục áp dụng cho trường hợp này là chấp hành viên phải lập biên bản giải thích cho người bị cưỡng chế kê biên tài sản chung về việc họ phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản đó và tiến hành kê biên tài sản để thi hành án. Người phải thi hành án sẽ bị hạn chế quyền thực hiện giao dịch đối với các tài sản khác cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án. Riêng với trường hợp người phải THADS là doanh nghiệp thì theo khoản 5 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, *“Cơ quan thi hành án dân sự chỉ kê biên tài sản khác của doanh nghiệp phải thi hành án, nếu sau khi đã khấu trừ tài khoản, xử lý vàng, bạc, đá quý, kim khí quý khác, giấy tờ có giá của doanh nghiệp đang do doanh nghiệp quản lý hoặc đang do người thứ ba giữ mà vẫn không đủ để thi hành án, trừ trường hợp bản án, quyết định có quyết định khác hoặc đương sự có thoả thuận khác”*.

Nguyên tắc chỉ cưỡng chế kê biên tài sản chung của người phải THADS với người khác khi các tài sản khác không có, không đủ để thi hành án hoặc khi người phải thi hành án có tài sản chung có yêu cầu kê biên tài sản chung mà yêu cầu này không gây trở ngại, khó khăn cho cơ quan thi hành án cũng phần nào được thể hiện qua quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật THADS năm 2014 như sau: *“Việc kê biên nhà ở là nơi ở duy nhất của người phải thi hành án và gia đình chỉ được thực hiện sau khi xác định người đó không có các tài sản khác hoặc có nhưng không đủ để thi hành án, trừ trường hợp người phải thi hành án đồng ý kê biên nhà ở để thi hành án”*.

Như vậy, về nguyên tắc chung, tài sản thuộc sở hữu riêng của người phải THADS phải được cưỡng chế kê biên trước, tài sản chung chỉ bị cưỡng chế kê biên khi người phải thi hành án không có, không đủ tài sản riêng để thi hành án hoặc do chính người phải thi hành án yêu cầu cưỡng chế kê biên tài sản chung.

- Về thủ tục xác định phân chia, xử lý phần sở hữu của người phải thi hành án trong khối tài sản chung.

Vì là tài sản chung của người phải THADS với người khác nên khi cưỡng chế kê biên tài sản chung này có thể xảy ra hai trường hợp: 1) Tài sản chung đó chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án 2) Tài sản chung đó đã xác định được phần sở hữu, sử dụng của các chủ sở hữu, sử dụng chung. Thủ tục cần thực hiện trong mỗi trường hợp cụ thể đã được quy định chung tại Điều 74 Luật THADS năm 2014 và được

hướng dẫn cụ thể hơn tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, cụ thể là:

Thứ nhất, theo khoản 1 Điều 74 Luật THADS năm 2014, đối với trường hợp tài sản chung của người phải thi hành án với người khác bị cưỡng chế kê biên mà chưa xác định được phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng của người phải thi hành án, chấp hành viên thông báo để người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất tự thoả thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu toà án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không có thoả thuận hoặc thoả thuận vi phạm quy định tại Điều 6 của Luật này hoặc thoả thuận không được và không yêu cầu toà án giải quyết thì chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án có quyền yêu cầu toà án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu toà án giải quyết thì chấp hành viên yêu cầu toà án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Chấp hành viên xử lý tài sản theo quyết định của toà án.

Cụ thể hoá quy định trên, Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP hướng dẫn tùy thuộc vào từng loại tài sản chung mà xác định, phân chia, xử lý như sau:

+ Nếu tài sản chung bị cưỡng chế kê biên là của vợ chồng thì chấp hành viên xác định phần sở hữu của vợ, chồng theo quy

định của pháp luật về hôn nhân gia đình và thông báo cho vợ, chồng biết. Thông thường, chấp hành viên sẽ dựa trên nguyên tắc chia đôi giá trị tài sản và sau đó thông báo cho vợ hoặc chồng của người phải thi hành án biết.

+ Nếu tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình thì chấp hành viên xác định phần sở hữu, sử dụng theo số lượng thành viên của hộ gia đình tại thời điểm xác lập quyền sở hữu tài sản, thời điểm được nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất, sau đó chấp hành viên thông báo kết quả xác định phần sở hữu, sử dụng cho các thành viên trong hộ gia đình biết. Trường hợp vợ hoặc chồng hoặc các thành viên hộ gia đình không đồng ý với việc xác định của chấp hành viên thì có quyền yêu cầu toà án phân chia tài sản chung trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ. Hết thời hạn này mà không có người khởi kiện thì chấp hành viên tiến hành kê biên, xử lý tài sản và trả lại cho vợ hoặc chồng hoặc các thành viên hộ gia đình giá trị phần tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của họ.

+ Với các tài sản chung khác thì thực hiện theo quy định chung tại khoản 1 Điều 74 Luật THADS năm 2014 đã nêu trên. Như vậy, trừ trường hợp là tài sản chung của vợ chồng, của hộ gia đình, các tài sản chung khác chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản mà người có quyền sở hữu, sử dụng chung không thoả thuận được việc phân chia tài sản thì chấp hành viên chỉ kê biên, xử lý tài sản sau khi đã có bản án của toà án về việc xác định tài sản chung.

Thứ hai, trường hợp tài sản bị cưỡng chế kê biên thuộc sở hữu chung nhưng đã

xác định được phần sở hữu của các chủ sở hữu chung thì việc xử lý tài sản đó thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật THADS năm 2014 như sau:

+ Đối với tài sản chung có thể chia được, chấp hành viên áp dụng biện pháp cưỡng chế phần tài sản tương ứng với phần sở hữu của người phải thi hành án.

+ Đối với tài sản chung không thể chia được hoặc nếu việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản, chấp hành viên có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với toàn bộ tài sản và thanh toán cho chủ sở hữu chung còn lại giá trị phần tài sản thuộc quyền sở hữu của họ.

- Về ưu tiên mua tài sản của chủ sở hữu chung

Theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật THADS năm 2014, chủ sở hữu chung được quyền ưu tiên mua phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản thuộc sở hữu chung. Cụ thể, trước khi bán tài sản lần đầu đối với tài sản thuộc sở hữu chung, chấp hành viên thông báo và định thời hạn cho chủ sở hữu chung mua phần tài sản của người phải thi hành án theo giá đã định trong thời hạn 03 tháng đối với bất động sản, 01 tháng đối với động sản. Đối với những lần bán tài sản tiếp theo thì thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn ưu tiên mà chủ sở hữu chung không mua tài sản thì tài sản được bán theo quy định tại Điều 101 Luật THADS.

Khoản 7 Điều 2 Thông tư liên tịch số 11 còn hướng dẫn cụ thể: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định giá, chấp hành viên thông báo cho

chủ sở hữu chung quyền ưu tiên mua phần tài sản của người phải thi hành án theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật THADS. Khi chủ sở hữu chung đồng ý mua tài sản kê biên thì thủ tục phải được thực hiện theo Điều 7 Thông tư liên tịch số 11 như sau: đối với tài sản là bất động sản và động sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, chấp hành viên ra quyết định bán tài sản cho chủ sở hữu chung; đối với tài sản là động sản nhưng không phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, chấp hành viên lập biên bản giao tài sản cho chủ sở hữu chung.

2. Những thách thức đặt ra từ thực tiễn áp dụng và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định về cưỡng chế kê biên tài sản chung

Được xác định là một trong những cách thức mà nhà nước sử dụng để tránh việc người có nghĩa vụ trả tiền ngoan cố, không chịu tuân theo hiệu lực của bản án, quyết định đã tuyên,⁽⁵⁾ biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản chung đã được cụ thể hoá bằng các quy định khác nhau trong pháp luật thi hành án Việt Nam. Mặc dù hiện nay pháp luật Việt Nam đã có quy định về cưỡng chế kê biên đối với tài sản chung của người phải thi hành án với người khác, đồng thời đã có quy định về quyền ưu tiên mua phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản thuộc sở hữu chung nhưng thực tiễn áp dụng các quy định này đang bộc lộ những khó khăn, vướng mắc cần được giải quyết. Các khó khăn, vướng mắc này thực sự là những thách thức cho công tác THADS, làm cho

(5). Nhà pháp luật Việt - Pháp, *Tài liệu tham khảo về thừa phát lại và thi hành án*, Hà Nội, 1997, tr. 32.

việc cưỡng chế kê biên tài sản chung này chưa đạt hiệu quả như mong muốn, cụ thể là:

Thứ nhất, pháp luật THADS Việt Nam hiện đang thiếu quy định cụ thể, rõ ràng về tài sản chung và các loại tài sản chung trong THADS.

Như đã phân tích ở trên, vì cho đến nay pháp luật THADS vẫn chưa có quy định cụ thể thế nào là tài sản chung trong THADS, tài sản chung bị kê biên xử lý bao gồm các loại tài sản gì nên trong thực tiễn áp dụng Điều 74 Luật THADS năm 2014, xác định về tài sản chung không thống nhất trong thực tiễn THADS. Việc xác định tài sản chung trong THADS không thể chỉ dựa vào quy định khái quát của BLDS năm 2015 về tài sản chung, do đó, để việc áp dụng Điều 74 Luật THADS năm 2014 được đúng và thống nhất thì trong thời gian tới, Luật THADS cần có quy định bổ sung về vấn đề này theo hướng tài sản chung bị cưỡng chế kê biên để THADS là những tài sản thuộc sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án với người khác mà “người khác” đó phải là người không liên quan đến bản án, quyết định đang được tổ chức thi hành, không phải là một đương sự trong bản án, quyết định được thi hành.

Thứ hai, thủ tục xác định, phân chia, xử lý phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật THADS năm 2014 khá lòng vòng, tốn thời gian, khó thực hiện và không thống nhất với hướng dẫn tại Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP. Cụ thể là:

+ Dù cơ quan thi hành án có làm đúng quy định: thông báo cho những người đồng sở hữu biết về việc kê biên tài sản để bảo đảm cho việc thi hành án nhưng với tâm lý

ngại kiện tụng, không muốn mất thời gian, tiền bạc, công sức cho việc kiện tụng nên người đồng sở hữu thường không thực hiện việc khởi kiện để xác định phần sở hữu của mình trong khối tài sản chung. Đặc biệt, trong trường hợp do thân thiết, có tâm lý bảo vệ quyền, lợi ích của người phải thi hành án thì người có tài sản chung với người phải thi hành án càng không khởi kiện để yêu cầu toà án phân chia tài sản chung đó.

+ Mặc dù tại khoản 1 Điều 74 Luật THADS năm 2014 có quy định các đồng sở hữu chung thoả thuận để xác định phần của người phải thi hành án trong khối tài sản chung nhưng với tâm lý không muốn thi hành án của người phải thi hành án thì quy định này ít khả thi vì nếu họ không muốn thoả thuận thì việc thoả thuận không thể thực hiện được.

+ Quy định hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày được thông báo mà không có thoả thuận hoặc không khởi kiện đến toà án thì người được thi hành án có quyền khởi kiện cũng khó mang lại hiệu quả như mong muốn bởi người được thi hành án cũng có thể có tâm lý ngại kiện tụng hoặc có tâm lý y lại vì cho rằng nếu mình không khởi kiện thì đã có chấp hành viên khởi kiện yêu cầu toà án xác định phần sở hữu của người phải thi hành án trong khối tài sản chung.

+ Quy định nếu người phải thi hành án, người đồng sở hữu chung không khởi kiện để yêu cầu toà án phân chia tài sản chung thì người được thi hành án, chấp hành viên khởi kiện đến toà án yêu cầu toà án xác định phần tài sản của người phải thi hành án là bất hợp lý vì các chủ thể khởi kiện này không thể hoặc rất khó đưa ra được những chứng cứ chứng minh phần tài sản của người phải thi

hành án trong khối tài sản chung do không phải là chủ sở hữu, sử dụng tài sản. Đặc biệt, quy định chấp hành viên phải yêu cầu toà án xác định phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản theo thủ tục tố tụng dân sự khi chủ sở hữu, sử dụng tài sản chung và người được thi hành án không khởi kiện bị phản đối khá nhiều.⁽⁶⁾ Chúng tôi cho rằng sự phản đối này là có cơ sở bởi việc xác định phần tài sản là thẩm quyền, trách nhiệm của toà án, việc yêu cầu xác định phần tài sản là của người có quyền, lợi ích (là đương sự và những người có tài sản chung) chứ không phải là chấp hành viên. Quy định này cần phải lược bỏ thì các đương sự trong thi hành án và những người có tài sản chung mới không ỷ lại vào chấp hành viên, từ đó có thể giải quyết nhanh việc thi hành án. Nếu vẫn giữ quy định chấp hành viên phải khởi kiện đến toà án để yêu cầu xác định phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung thì cần thiết phải quy định bổ sung về các vấn đề liên quan như tư cách tố tụng của chấp hành viên, nhiệm vụ, quyền hạn của chấp hành viên trong quá trình tố tụng tại toà án, tạm ứng án phí và án phí... Hiện nay, Luật THADS năm 2014 và các văn bản hướng dẫn chưa có các quy định cụ thể về các nội dung này nên quy định chấp hành viên khởi kiện đến toà án đang gặp rất nhiều vướng mắc trên thực tiễn áp dụng.

+ Vì thủ tục xác định phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật

THADS năm 2014 khá lòng vòng, ít tính khả thi nên đã dẫn đến hệ quả tất yếu là tốn thời gian cho việc thực hiện thủ tục đó. Các thời hạn được quy định như hết thời hạn “30 ngày”, hết thời hạn “15 ngày” để người được thi hành án, chấp hành viên khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung là quá dài và không cần thiết. Các thời hạn này nên sửa lại theo hướng rút ngắn để việc xác định tài sản chung được nhanh chóng hơn.

+ Theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật THADS năm 2014, thủ tục xác định, phân chia tài sản phải được thực hiện theo đúng trình tự: Trước hết, người phải thi hành án và người có tài sản chung tự thoả thuận phân chia, nếu không tự thoả thuận phân chia được thì người phải thi hành án và người có tài sản chung yêu cầu toà án phân chia. Nếu người phải thi hành án và người có tài sản chung không yêu cầu toà án phân chia thì người được thi hành án sẽ yêu cầu toà án phân chia. Nếu người được thi hành án cũng không yêu cầu toà án phân chia thì chấp hành viên sẽ yêu cầu toà án phân chia. Tuy nhiên, điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP lại có hướng dẫn Chấp hành viên sẽ phân chia trước, cụ thể là: “*Đối với tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng chung của vợ, chồng thì chấp hành viên xác định phần sở hữu của vợ, chồng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình và thông báo cho vợ, chồng biết*”. Hay “*Đối với tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình thì chấp hành viên xác định phần sở hữu, sử dụng theo số lượng thành viên của hộ gia đình tại thời điểm xác lập quyền sở hữu tài sản, thời điểm được nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất,*

(6). Nguyễn Minh, “Thi hành án tài sản chung như thế nào”, *Báo điện tử đại biểu nhân dân*, <http://daibieunhandan.vn/ONA-BDT/Newsprint.aspx?newId=413625>, truy cập 03/5/2019.

nhận chuyển quyền sử dụng đất” Nếu vợ, chồng hoặc các thành viên hộ gia đình không đồng ý với việc phân chia của chấp hành viên thì mới có quyền yêu cầu toà án phân chia tài sản chung trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ. Hết thời hạn này mà không có người khởi kiện thì chấp hành viên tiến hành kê biên, xử lý tài sản và trả lại cho vợ hoặc chồng hoặc các thành viên hộ gia đình giá trị phần tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của họ”. Hướng dẫn này không chỉ thể hiện sự không thống nhất với quy định tại Điều 74 Luật THADS năm 2014 mà còn thể hiện sự không hợp lý, cần phải sửa đổi bởi nhiệm vụ, quyền hạn của chấp hành viên không giống như nhiệm vụ, quyền hạn của thẩm phán, nếu quy định chấp hành viên tự phân chia tài sản để xác định phần sở hữu của người phải thi hành án trong khối tài sản chung thì quy định này sẽ gây khó khăn cho chấp hành viên và có thể nảy sinh việc khiếu nại, tố cáo về việc phân chia tài sản của chấp hành viên.

Như vậy, với những vướng mắc, khó khăn nêu trên khi áp dụng khoản 1 Điều 74 Luật THADS năm 2014 cho thấy, trong thời gian tới quy định về thủ tục xác định, phân chia, xử lý tài sản chung cần sửa theo hướng đơn giản hơn, thời hạn ngắn gọn hơn, chỉ nên giao quyền yêu cầu toà án phân chia tài sản chung cho người được thi hành án, người phải thi hành án hoặc người có tài sản chung với người phải thi hành án, bỏ hướng dẫn trong Nghị định số 62/2015/NĐ-CP về xác định, phân chia tài sản chung.

Thứ ba, việc xác định phần sở hữu của các chủ sở hữu chung theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật THADS cũng bộc lộ những vướng mắc khó giải quyết.

+ Vướng mắc đầu tiên khi áp dụng điểm a khoản 2 Điều 74 Luật THADS năm 2014 là: Đối với tài sản chung đã xác định được phần của người phải thi hành án mà có thể chia được thì chấp hành viên cưỡng chế kê biên phần tài sản tương ứng với phần sở hữu của người phải thi hành án. Vậy dựa vào những tiêu chí nào để khẳng định tài sản chung đó là “tài sản chung có thể chia được” và “tài sản chung không thể chia được”. Có ý kiến cho rằng, tài sản không chia được là tài sản không thể chia ra thành từng phần để thực hiện nghĩa vụ nên với tài sản không chia được thì ưu tiên thoả thuận của các bên.⁽⁷⁾ Tuy nhiên, hiện nay pháp luật Việt Nam chưa có quy định về các tiêu chí chung nên việc xác định tài sản chung nào của người phải thi hành án là tài sản chia được, tài sản chung nào của người phải thi hành án là tài sản không chia được chưa thống nhất, khó minh bạch và dễ xảy ra tiêu cực.

+ Vấn đề chia như thế nào là hợp lý, ngay cả khi đã có những tiêu chí rõ ràng để xác định rằng tài sản chung đó là “chia được” nhưng thực tiễn của việc chia này cũng bộc lộ nhiều khó khăn không dễ giải quyết, chia như thế nào để kết quả phân chia đó không bị khiếu nại. *Ví dụ:* Tài sản chung của người phải thi hành án với một người khác là một thửa đất, thửa đất này được xác định là chia được, việc phân chia không làm giảm giá trị thửa đất đó và do tiền bỏ ra là như nhau nên phần của người phải thi hành án được xác định là một nửa thửa đất. Tuy nhiên, khi chấp hành viên kê biên một nửa miếng đất đó để thi hành án thì sẽ kê biên nửa nào của

(7). Nhà pháp luật Việt - Pháp, *Hội thảo: “Pháp luật về thi hành án”*, Hà Nội, ngày 24, 25/8/1998, tr. 10, 11.

thừa đất: nửa trong hay nửa ngoài, nửa phải hay nửa trái bởi rất có thể hai thửa đất có diện tích như nhau nhưng lợi thế của mỗi thửa sẽ khác nhau, dẫn đến giá trị khác nhau. Để tránh bị khiếu nại, khi cưỡng chế kê biên tài sản chung, chấp hành viên thường chỉ cưỡng chế phần tài sản tương ứng với phần sở hữu của người phải thi hành án khi tài sản rõ ràng, dễ phân chia, đã được phân chia theo bản án, quyết định hoặc do các đương sự thỏa thuận. Còn đối với tài sản chung không thể chia hoặc nếu việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì chấp hành viên sẽ áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với toàn bộ tài sản và thanh toán cho chủ sở hữu chung còn lại giá trị phần tài sản thuộc quyền sở hữu của họ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 74 Luật THADS năm 2014. Tuy nhiên, khi áp dụng điểm b khoản 2 Điều 74 Luật THADS 2014 người áp dụng cũng gặp khá nhiều lúng túng bởi rất khó thống nhất về “tài sản chung không chia được” và “tài sản phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản”. Để việc cưỡng chế kê biên tài sản chung được thuận lợi cần phải có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này.

Thứ tư, quy định về thời hạn ưu tiên mua tài sản chung tại khoản 3 Điều 74 Luật THADS năm 2014 chưa thật sự phù hợp.

Từ quyền tự định đoạt phần sở hữu của mình trong khối tài sản chung được ghi nhận tại khoản 3 Điều 218 BLDS năm 2015, khoản 3 Điều 74 Luật THADS năm 2014 quy định chủ sở hữu chung được quyền ưu tiên mua phần tài sản của người phải thi hành án là hợp lý nhưng thời hạn ưu tiên mua tài sản chung là 03 tháng đối với bất động sản, 01 tháng đối với động sản kể từ ngày

được thông báo hợp lệ hay đối với những lần bán tài sản tiếp theo thì thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ là quá dài, làm mất nhiều thời gian và thủ tục. Mặt khác, quy định “*trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hết thời hạn ưu tiên mà chủ sở hữu chung không mua tài sản thì tài sản được bán theo quy định tại Điều 101...*” cũng là không cần thiết bởi chủ sở hữu chung đã có thời hạn tương đối dài để cân nhắc, quyết định. Do vậy, khoản 3 Điều 74 Luật THADS năm 2014 cần sửa thời hạn này theo hướng rút ngắn lại và thủ tục bán tài sản cũng chỉ rút ngắn một lần để nâng cao hiệu quả của việc kê biên, xử lý tài sản chung của người phải thi hành án trên thực tế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Quân Chính, Hoàn Thanh Hoa, “Kê biên, xử lý tài sản thuộc sở hữu chung của người phải thi hành án - Một số vấn đề từ thực tiễn”, *Tạp chí điện tử của Tòa án nhân dân tối cao*, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/ke-bien-xu-ly-tai-san-thuoc-so-huu-chung-cua-nguoi-phai-thi-hanh-an-mot-so-van-de-tu-thuc-tien>.
2. Nhà pháp luật Việt - Pháp, *Hội thảo: “Pháp luật về thi hành án”*, Hà Nội, ngày 24, 25/8/1998.
3. Nhà pháp luật Việt - Pháp, *Tài liệu tham khảo về thừa phát lại và thi hành án*, Hà Nội, 1997.
4. Nguyễn Minh, “Thi hành án tài sản chung như thế nào”, *Báo điện tử đại biểu nhân dân*, <http://daibieunhandan.vn/ONA-BDT/Newsprint.aspx?newId=413625>
5. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật thi hành án dân sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, 2018.